

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/09/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P10+P9	7:25	14+8	0+0		13+9	0+0	
2		BK4+P2+RP2	7:25	16+2+2	0+0+0		12+0+10	0+0+0	
3		BK10+P10	7:25	10+12	0+0		5+17	0+0	
4		P11	9:25	22	0		22	0	
5		P10+P2	9:25	12+10	0+0		9+13	0+0	
6		TD5+P2	9:25	7+15	0+0		2+20	0+0	
7		BK10+P9	11:25	4+18	0+0		4+18	0+0	
8		P11+TD2+TTC3	11:25	5+16+1	0+0+0		3+6+10	0+0+0	chuyen 2 p11-td2

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày bk10-3 ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/09/2024	TO: P10 - P9	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VTHANG - HTRUNG - TU	ETA: 09:20
XANH-1			

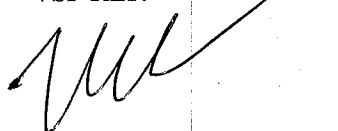
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	IAKIMIDI R	P10	71	1	7	1	15	106	KH-THAC	Russian
2	TRAN VAN THANG	P10	70	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC KHANH	P10	72	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
4	LUONG XUAN THAI	P10	82-83	2	19			72	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐANG ĐỨC HÀ	P10	75	1	12			71	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ QUÝ TOÀN	P10	79-80	2	10			66	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HƯƠNG	P10	73	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN VAN THOAI	P10	85	1	15			74	XAY LAP	Vietnamese
9	NGUYEN VAN THAO	P10						70	KH-THAC	Vietnamese
10	VU ĐANG HOANG	P10	74	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG SY NGUYEN	P10	77	1	4			84	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN KHANH TOAN	P10	76	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC PHI	P10	81	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VU KIEN	P10	78	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG TAM	P9	74	1	6	1	15	56	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN HOANG	P9	69	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
17	VU BA NEP	P9	98-99	2	20	1	6	65	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ ĐỨC HIỀN	P9	67-68	2	16			56	YTE	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN TUỆ	P9	63	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN XUÂN HINH	P9	65-66	2	12			84	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN BA KY	P9						80	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN THANH HOÀI	P9	71	1	7			104	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

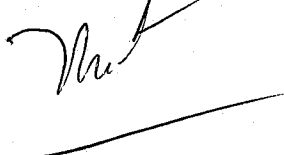
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	14	1.048	15	108	1	15	13		
2	P9	8	585	10	73	2	21	9		
TOTAL		22	1.633	25	181	3	36	22		
WEIGHT KG			1.633		181		36			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/09/2024		TO: BK4 - P2 - RP2			AIRCRAFT: 428			ETD: 07:35		
FLIGHT: 02		FROM: VT			CREW: LTUẤN - N.ANH - TOAN			ETA: 09:25		
Cam - 1										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU DUY KHANH (HLO)	BK4	58	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
2	TÔNG TRUNG HUY	BK4	59	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HOANG ĐÀN	BK4	55	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ VIỆT HOÀNG	BK4	33-34	2	22			59	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN VĂN TÂN	BK4	44-45	2	17	1	20	67	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN VAN VINH	BK4	43	1	6			74	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG NGOC	BK4	46-47	2	12			65	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TOÀN	BK4	50-51	2	20			61	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI VĂN THOẠI	BK4	52	1	10	1	12	65	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH HAI	BK4	40	1	10	1	10	80	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM VIỆT HÙNG	BK4	60-61	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
12	HOANG VAN HAO	BK4	54	1	17			75	XAYLAP	Vietnamese
13	LUƠNG VĂN THỨC	BK4	49	1	18			78	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ ĐÌNH PHỤNG	BK4	41	1	10	1	11	79	XAYLAP	Vietnamese
15	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	56-57	2	11			67	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	BK4	32	1	6			60	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	P2	36	1	10			80	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG CHÍ TUYẾN	P2	37	1	11			68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH TUNG TÀI	RP2	78	1	10			72	CODIEN	Vietnamese
20	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	RP2	79	1	10	5	48	75	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	BK4		16	1.101	22	201	4	53	12		
2	P2		2	148	2	21	0	0	0		
3	RP2		2	147	2	20	5	48	10		
TOTAL			20	1.396	26	242	9	101	22		
WEIGHT KG				1.396		242		101			

GRAND TOAL:

1.739 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/09/2024	TO: PPD	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LTUẤN - MTHAO - QTRƯỜNG	ETA: 09:30
vay - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ VĂN THOA	PPD	97	1	8			75	CODIEN	Vietnamese
2	VŨ NGỌC CÀNH	PPD	70-71	2	20			82	CODIEN	Vietnamese
3	VŨ NGỌC THAI SƠN	PPD	69	1	19	4	55	75	CODIEN	Vietnamese
4	LƯƠNG ANH VŨ	PPD	80	1	9	6	62	68	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN QUANG	PPD	79	1	9			70	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG PHÚ	PPD	78	1	10			78	CODIEN	Vietnamese
7	LAM QUANG NAM	PPD	85	1	10			75	KHI	Vietnamese
8	TU NGỌC HAI	PPD	94-95	2	10			78	KHI	Vietnamese
9	PHẠM ĐỨC TUẤN	PPD	86-87	2	13			72	KHI	Vietnamese
10	BUI HỮU LAN	PPD	89	1	5			78	KHI	Vietnamese
11	PHẠM VĂN SƠN	PPD	99	1	7			59	KHI	Vietnamese
12	HOANG NGUYỄN TÂN ĐẠT	PPD	96	1	6			58	KHI	Vietnamese
13	VŨ TÁ QUANG	PPD	81	1	5			70	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN VĨNH	PPD	82	1	5			78	KHI	Vietnamese
15	HOANG MINH HIẾU	PPD	92-93	2	12			74	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	91	1	6			80	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	83	1	5			62	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	84	1	7			68	KHI	Vietnamese
19	PHÙNG VĂN CHÍNH	PPD	98	1	5			81	KHI	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN TU	PPD	900	1	5			66	KHI	Vietnamese
21	PHẠM HỒNG THAI	PPD	90	1	5			67	KHI	Vietnamese
22	ĐỖ VĂN THANH	PPD	88	1	6			85	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
No.	DESTINATION	PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
		1	PPD	22	1.599	26	187	10	117	
TOTAL		22	1.599	26	187	10	117	22		
WEIGHT KG			1.599		187		117			

GRAND TOAL: 1.903 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/09/2024	TO: P2 - P4 - P3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HUNG - SON - HIEU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LE HONG DAI	P2	56	1	4			74	D-HANH	Vietnamese
2	HO NGOC HUNG	P2						77	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG VAN DUONG	P2	55	1	3			82	NIPI	Vietnamese
4	NGUYEN BACH DUONG	P4	05-06	2	10			72	KHI	Vietnamese
5	NGO THANH LAM	P4	04	1	3			63	KHI	Vietnamese
6	TRAN DUY KHUONG	P4	19	1	5			90	KHI	Vietnamese
7	LE VAN HUONG	P4	15	1	5			62	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN MINH CANG	P4	16	1	5			76	KHI	Vietnamese
9	TRAN SON NAM	P4	17	1	5			81	KHI	Vietnamese
10	PHAN HONG TAM	P4	13-14	2	10			60	KHI	Vietnamese
11	ZHURBIN N.B	P4	12	1	6			94	KHI	Russian
12	HOANG VAN HUNG	P4						76	KHI	Vietnamese
13	TA VAN QUYNH	P4						74	KHI	Vietnamese
14	VU NGOC TUAN	P4	20-21	2	20			85	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN DUC BINH	P4	01	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VIET THANG	P4	18	1	5			75	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN CHIEN CONG	P4	10	1	6			66	KHI	Vietnamese
18	TRINH VAN THAI	P4	07-08	2	12			69	KHI	Vietnamese
19	LE VAN THANH	P4	09	1	10	3	60	72	KHI	Vietnamese
20	TRAN VAN TRUNG	P4	11	1	10			62	KHI	Vietnamese
21	TRAN DUC TUAN	P4	03	1	20			84	XAYLAP	Vietnamese
22	LUU QUY DUNG	P4	25	1	10			57	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	P2		3	233	2	7	0	0	0		
2	P4		19	1.386	21	147	3	60	19		
3	P3		0	0	0	0	2	30	3		
TOTAL			22	1.619	23	154	5	90	22		
WEIGHT KG				1.619		154		90			

GRAND TOAL:

1.863 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/09/2024	TO: PPD - TD5	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: DU'ONG - N.CU'ONG -	ETA: 09:25
CAM-1		NNAM	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ARTYUSHIN SERGEY	PPD	14	1	12	6	120	90	ANTOAN	Russian
2	TRINH VAN NHA	PPD	28-29	2	11	3	60	70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VIET TIEN	PPD	17-18	2	7			65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TRUNG	PPD						70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN CAO CUONG	PPD						69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN SON	PPD	25	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI VAN DAO	PPD	15	1	3			86	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN CHUNG	PPD	23-24	2	8			74	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐANG VAN NINH	PPD						72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN BAC	PPD	27	1	8			60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN SINH	PPD	22	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN ĐANG QUANG	PPD	19-20	2	15			64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN CONG DUNG	PPD	21	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG ĐAI NGHIA	PPD	13	1	5			80	KHI	Vietnamese
15	ĐOAN DUY HUNG	PPD	26	1	4			88	KHI	Vietnamese
16	ĐANG VAN BAN	PPD						84	KHI	Vietnamese
17	HUYNH NAM LONG	PPD	31	1	10			72	KHI	Vietnamese
18	HOANG HUY TIEN	PPD	30	1	10			59	KHI	Vietnamese
19	TRAN SON HAI	PPD	16	1	6			73	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN SY TAI	PPD	02	1	10	1	15	52	XAY LAP	Vietnamese
21	ĐAO VAN KHOI	PPD	32	1	10			53	XAY LAP	Vietnamese
22	NGHIEM TRINH NHAT	PPD	33	1	18			65	XAY LAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	PPD		22	1.546	22	155	10	195	14		
2	TD5		0	0	0	0	0	0	8		
TOTAL			22	1.546	22	155	10	195	22		
WEIGHT KG				1.546		155		195			

GRAND TOAL:

1.896 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/09/2024	TO: AMD - P6 - BK5	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HUNG - SON - HIEU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HY TAC SANG	AMD	95-96	2	15	3	40	71	TLJOC	Vietnamese
2	NGO SY KHOI	AMD	77	1	11			75	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM VAN LAM	AMD	42	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN CONG DUNG	AMD	40-41	2	16			75	KH-THAC	Vietnamese
5	DOAN VAN DUNG	AMD	85-86	2	9			72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN ANH KHOA	AMD	80	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
7	LE TRI TRUNG	AMD	43	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
8	TRUONG THE KHAI	AMD	48	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
9	LE QUOC HUY	AMD	83-84	2	14			82	KH-THAC	Vietnamese
10	LE VAN TRUONG	AMD	81-82	2	7			65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN ANH KHOA	AMD	46	1	6			50	KH-THAC	Vietnamese
12	HUYNH PHUC AM	AMD	47	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
13	CHU DUC CHI	AMD	91	1	14			72	KH-THAC	Vietnamese
14	TRUONG DUC HUNG	AMD	92	1	11			81	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN MINH HOAI	AMD	89	1	9			72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN CONG	AMD	87-88	2	18			64	KH-THAC	Vietnamese
17	DUONG MANH PHU	AMD	45	1	14			80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGO TRI HUNG	AMD	44	1	12			63	KH-THAC	Vietnamese
19	LE XUAN TUAN	AMD	78-79	2	15			65	KH-THAC	Vietnamese
20	DOAN HONG DUONG	AMD	93-94	2	19			72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN LUONG	AMD	90	1	12			75	KH-THAC	Vietnamese
22	LAM VAN HANH	BK5	70	1	10			60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	AMD		21	1.488	29	230	3	40	19		
2	P6		0	0	0	0	2	25	2		
3	BK5		1	60	1	10	0	0	1		
TOTAL			22	1.548	30	240	5	65	22		
WEIGHT KG				1.548		240		65			

GRAND TOAL: 1.853 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/09/2024	TO: TD3 - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:58
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: LTUẤN - MTHAO -	ETA: 11:50
vang-2		QTRƯỜNG	

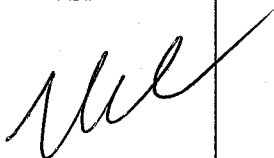
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KRAVTSOV ALEXANDR	TD3	40	1	4			70	DVL	Russian
2	BAN PHUC LONG	TD3	44	1	15			74	DVL	Vietnamese
3	NGO VAN TUAN	TD3	49	1	7			70	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐAO QUỐC OAI	TD3	45-46	2	15			85	XAYLAP	Vietnamese
5	HA MANH DUNG	TD3	48	1	12			66	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG MINH HAI	TD3	47	1	10			58	XAYLAP	Vietnamese
7	MAI CONG HUAN	TD3	50-51	2	14			70	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN VAN HANH	TD3	52-53	2	15			60	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN HUU MINH	TD3	55-56	2	15			80	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG VINH	TD3	54	1	15			79	XAYLAP	Vietnamese
11	LE ANH TUAN	TD3	43	1	5			60	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN VAN NAM	TD3	41	1	12	1	15	65	XAYLAP	Vietnamese
13	HOANG THANH HOA	RP3	65	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
14	VU TRUNG KIEN	RP3	66	1	12			80	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI VAN HUNG	RP3				6	30	65	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC ANH	RP3	60	1	5			75	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN SANG	RP3	62	1	9	4	60	56	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TAN	RP3						65	KHI	Vietnamese
19	LANH TRUNG ĐONG	RP3	64	1	4			70	KHI	Vietnamese
20	HOANG ĐUC LAM ANH	RP3	61	1	4			76	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN THANH HA	RP3	63	1	5			82	KHI	Vietnamese
22	HOANG VAN CHIEN	RP3	59	1	3			70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	TD3		12	837	16	139	1	15	0		
2	RP3		10	699	8	47	10	90	22		
TOTAL			22	1.536	24	186	11	105	22		
WEIGHT KG				1.536		186		105			

GRAND TOAL: 1.827 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/09/2024	TO: PPD - BK14 - RP1	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: DUONG - N.CUONG -	ETA: 11:45
CAM-2		NNAM	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRUONG VAN NHIU	PPD	62	1	10			79	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN KHAC PHI	PPD	60-61	2	13			68	XAYLAP	Vietnamese
3	MAI THANH TU	PPD	63	1	11			65	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN DANH HANH	PPD	54	1	12			69	XAYLAP	Vietnamese
5	LE VAN THANH	PPD	64	1	10			75	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN VAN PHUONG	PPD	55-57	3	20			64	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN HUY HOANG	PPD	42	1	8			75	KHI	Vietnamese
8	DUONG TRUONG LAM	PPD	41	1	10			65	KHI	Vietnamese
9	VO VAN THUAN	PPD	37	1	10			51	KHI	Vietnamese
10	TRIEU VAN DONG	PPD	36	1	10			82	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN HUU BINH	PPD	39	1	9			72	KHI	Vietnamese
12	HOANG VAN HUY	PPD	38	1	10			69	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC HUNG	PPD	35	1	7			64	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN DUY NAM	PPD	40	1	10			63	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN DINH CUONG	PPD	43	1	7			71	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC DONG	PPD	46-47	2	20			79	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN VAN CUONG	PPD	48-49	2	19			67	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN TRONG DAI	PPD	50-51	2	18			67	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN DANG TUYEN	PPD	58-59	2	20			69	XAYLAP	Vietnamese
20	TRUONG VAN NGHIA	PPD	52-53	2	19			73	XAYLAP	Vietnamese
21	DO TRUNG KIEN	PPD	44-45	2	13			70	YTE	Vietnamese
22	NGUYEN NGOC TUAN	BK14	05	1	8			82	DK	Vietnamese

FLIGHT PLAN

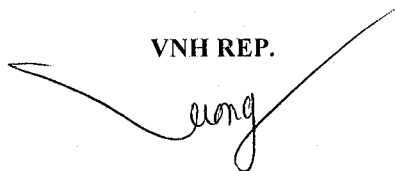
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	21	1.457	30	266	0	0	10		
2	BK14	1	82	1	8	0	0	0		
3	RP1	0	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	1.539	31	274	0	0	18		
WEIGHT KG			1.539		274		0			

GRAND TOAL: 1.813 KGS

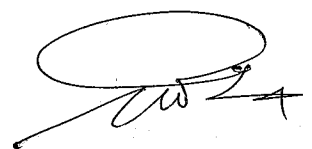
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/09/2024	TO: P8 - BK8 - RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: TUYỀN - N.ANH - TOAN	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN NAM	P8	66-67	2	12	1	12	89	CODIEN	Vietnamese
2	ĐẶNG VĂN GIANG	P8	62	1	9			73	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN TRI PHUỐC	P8	63	1	10			73	CODIEN	Vietnamese
4	TRẦN XUÂN HOÀN	P8	64-65	2	11			60	CODIEN	Vietnamese
5	LƯƠNG TRỌNG DƯƠNG	P8	61	1	5			55	PSV	Vietnamese
6	ĐÀO NGỌC HAI	BK8	91	1	12	7	80	74	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN TRỌNG	BK8	92-93	2	16	1	10	81	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VĂN THU	BK8	89	1	12			78	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN TRƯỞNG	BK8	90	1	2			80	XAYLAP	Vietnamese
10	HÀ TUẤN DŨNG	BK8	85	1	11			70	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN DUY	BK8	87	1	14			59	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN TRUNG QUYỀN	BK8	88	1	15			61	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM CÔNG HÌNH	BK8	78,84	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG ĐÌNH	BK8	72	1	10			67	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM VĂN DŨNG	BK8	97	1	16			55	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ VĂN LAM	BK8						77	XAYLAP	Vietnamese
17	VŨ HỒNG PHONG	BK8	96	1	14			62	XAYLAP	Vietnamese
18	VŨ MẠNH THẮNG	BK8	75-76	2	20			60	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ XUÂN CHÍNH	BK8	86	1	15			63	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ TRỌNG VĂN	BK8	94-95	2	13			65	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN CHU	BK8	77	1	12			61	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P8	5	350	7	47	1	12	2 + 4		CHUYEN 1 PAX P8-RP2
2	BK8	16	1.077	19	202	8	90	9		
3	RP2	0	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		21	1.427	26	249	9	102	21		
WEIGHT KG			1.427		249		102			

GRAND TOAL: 1.778 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/09/2024	TO: P2 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:20
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: KHOÀN - NPHÚ - HUY	ETA: 14:10
XANH-3			

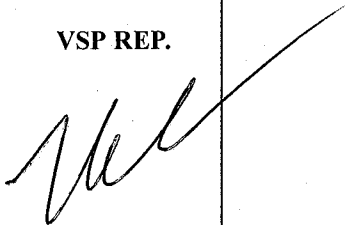
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ XUÂN TIỀN	P2	83	1	14			58	XAYLAP	Vietnamese
2	VŨ QUỐC HUY	P2	88	1	17			70	XAYLAP	Vietnamese
3	NHÂM NGỌC THANH	P2	74	1	17			72	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM VĂN BÌNH	P2						76	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAN QUÝ DŨNG	P2	87	1	13	6	60	65	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM QUỐC TRƯỞNG	P2	70-71	2	18			63	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN HOÀNG MINH HIỆU	P2	89-90	2	18			55	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG SỸ	P2	75	1	17			56	XAYLAP	Vietnamese
9	VŨ VĂN HUY	P2	72	1	12			62	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN TIỀN SỸ	P2	77-78	2	18			72	XAYLAP	Vietnamese
11	HOÀNG VĂN HÙNG	P2	81-82	2	14			72	XAYLAP	Vietnamese
12	HOÀNG VĂN BA	P2	76	1	14			69	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN XUÂN LỘC	P2	85	1	6			59	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN KHÁC QUANG	P2	69	1	13			69	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM TIỀN ĐĂNG	P2	73	1	6			52	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	P2	68	1	16			67	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI KHÁC SƠN	P2	79	1	8			70	XAYLAP	Vietnamese
18	VŨ ĐÌNH HÙNG	P2	86	1	17			64	XAYLAP	Vietnamese
19	LÂM QUANG THÀNH	P2	80	1	12			91	T-TIN	Vietnamese
20	BUI XUÂN ĐIệp	P2	66-67	2	17			65	PSV	Vietnamese
21	PHẠM VIỆT HOÀNG	P2	64-65	2	15			54	PSV	Vietnamese
22	NGHIÊM ANH VŨ	P4	86	1	6			67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

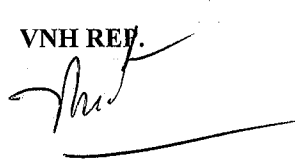
No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	P2		21	1.381	26	282	6	60	10		
2	P4		1	67	1	6	0	0	12		
TOTAL			22	1.448	27	288	6	60	22		
WEIGHT KG				1.448		288		60			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/09/2024	TO: BK10 - RP3	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:15
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: QVIET - HTRUNG -	ETA: 14:05
CAM-3		MQUAN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRAN MINH DAT	BK10	89	1	12			81	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN ANH TUAN	BK10	95	1	15			75	XAYLAP	Vietnamese
3	DANG BAC THAI	BK10	99,400	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI THANH LONG	BK10	86-87	2	20			80	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN CAO TRI	BK10	91-92	2	12			77	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN VIET HUNG	BK10	96,98	2	17	1	10	80	XAYLAP	Vietnamese
7	DINH VAN DUONG	BK10	88	1	18			65	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN CHINH DUONG	BK10	93	1	15	1	10	68	XAYLAP	Vietnamese
9	DUONG VAN TUAN	BK10	74	1	17	1	12	62	XAYLAP	Vietnamese
10	LE VAN DUNG	BK10	90	1	16			75	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAM DUY DUNG	RP3						77	KHI	Vietnamese
12	KHONG TIEN DUNG	RP3	89	1	7			76	KHI	Vietnamese
13	PHAN ANH KHANG	RP3	90-91	2	20			66	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN VAN CUONG	RP3	85-86	2	16			77	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN DOAN	RP3	88	1	17			102	CODIEN	Vietnamese
16	LUONG MINH KHUE	RP3	82-83	2	17			60	NIPI	Vietnamese
17	NGUYEN VAN SA	RP3	80	1	6			64	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN AI	RP3	84	1	4			52	PSV	Vietnamese
19	HA QUOC VINH	RP3	81	1	4			70	PSV	Vietnamese
20	KHONG QUOC TIEN	RP3	79	1	15			67	XAYLAP	Vietnamese
21	DOAN CONG LUAN	RP3	77-78	2	10			60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	BK10		10	728	14	162	3	32	0		
2	RP3		11	771	14	116	0	0	5		
TOTAL			21	1.499	28	278	3	32	5		
WEIGHT KG				1.499		278		32			

GRAND TOAL:

1.809 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/09/2024	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 619	ETD: 11:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: NAM - XTRƯỜNG	ETA: 14:40
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	QUÁCH VĂN THAO	T.UNG	97	1	4			75	YTE	Vietnamese
2	HUYNH HIẾU NGHĨA	T.UNG	94	1	12			82	PVEP ITC	Vietnamese
3	FEDORCHENKO	T.UNG	08-10	3	14			82	KH-THAC	Russian
4	PHẠM QUANG QUY	T.UNG	11	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
5	DUƠNG VĂN MẠNH	T.UNG	04-05	2	8			66	KH-THAC	Vietnamese
6	LUƠNG VĂN LUÔNG	T.UNG	06	1	14			70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN XUÂN THUY	T.UNG	99	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH BÁC	T.UNG	07	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ DUY ĐỨC	T.UNG	96	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI TRỌNG HUNG	T.UNG	01	1	9			62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VŨ QUYÊN	T.UNG	100	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN CHÍNH	T.UNG	93	1	4	5	85	62	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ HỒNG QUANG	T.UNG	02,09	2	9			80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN HAI	T.UNG	91	1	12			65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN TỰ LONG	T.UNG	98	1	5			70	PSV	Vietnamese
16	PHẠM TRẦN THANH PHÚC	T.UNG	95	1	5			85	PSV	Vietnamese
17	ĐINH DANH VỸ	T.UNG	17	1	5			65	PSV	Vietnamese
18	NGO VĂN HIỀN	T.UNG	92	1	12			72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	T.UNG	18	1.255	22	138	5	85	19		
TOTAL		18	1.255	22	138	5	85	19		
WEIGHT KG			1.255		138		85			

GRAND TOAL: 1.478 KGS

VSP REP.

[Signature]

VNH REP.

[Signature]

CAPTAIN

[Signature]

Lưu VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/09/2024	TO: TGTH1 - AMD	AIRCRAFT: 619	ETD: 14:30
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: ĐTRUNG - VUÔNG	ETA: 16:20
VANG			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LA NGOC HOAN	TGTH1	45-46	2	15			76	HLJOC	Vietnamese
2	PHAN VAN HAO	TGTH1	47-48	2	13			51	HLJOC	Vietnamese
3	NGUYEN HOANG LONG	TGTH1	44,05	2	12			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN MANH HA	TGTH1	49	1	8			55	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN DUC CUONG	TGTH1	34	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HUU CUONG	TGTH1	42-43	2	11			69	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG NGOC TAN	AMD	03	1	8			62	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TINH	AMD	14-15	2	17	1	22	75	CODIEN	Vietnamese
9	TRAN CAO TUAN	AMD	07	1	8			68	CODIEN	Vietnamese
10	TRAN MINH TUNG	AMD	08	1	12			75	CODIEN	Vietnamese
11	HOANG DUC HAI	AMD	12-13	2	16			68	CODIEN	Vietnamese
12	HOANG HUU TRONG	AMD	18	1	15			67	CODIEN	Vietnamese
13	PHAM XUAN HAI	AMD	09-10	2	14			75	CODIEN	Vietnamese
14	ĐINH MAI THIEN	AMD	05-06	2	14			74	CODIEN	Vietnamese
15	TRAN DUONG	AMD	04	1	14			70	CODIEN	Vietnamese
16	PHAM VAN HUNG	AMD	16-17	2	12			71	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN HUU BINH	AMD	900	1	7			60	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN DINH TIEN	AMD	11	1	4			58	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN VAN MINH	AMD	01-02	2	15			71	PHATECO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	TGTH1		6	385	10	65	0	0	5		
2	AMD		13	894	19	156	1	22	6		
TOTAL			19	1.279	29	221	1	22	11		
WEIGHT KG				1.279		221		22			

GRAND TOAL: 1.522 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Luu VSP